ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TUẤN ĐẠO - HUYỆN SƠN ĐỘNG -TỈNH BẮC GIANG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Mã	DT hiện trạng năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
			Diện tích năm 2020(ha)	Cơ cấu(%)	Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2025(ha)	Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2030(ha)	Cơ cấu(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)-(4)	(7)	(8)=(9)-(7)	(9)	(10)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		**9.787,40**	**100**		**9.787,40**		**9.787,40**	**100**
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	**9.182,06**	**93,82**	***-187,07***	**8.994,99**	***-97,68***	**8.897,31**	**90,91**
1,1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***SXN***	***1.041,37***	***10,64***	***-27,07***	***1.014,30***	***-7,68***	***1.006,62***	***10,28***
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	393,06		-72,07	320,99	-5,68	315,31	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	270,15		-48,60	221,55	-4,92	216,63	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	122,91		-23,47	99,44	-0,76	99,44	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	648,31		45,00	693,31	-2,00	691,31	
1,2	***Đất lâm nghiệp***	***LNP***	***8.129,29***	***83,06***	***-160,00***	***7.969,29***	***-90,00***	**7.879,29**	***80,50***
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	6.478,46		-160,00	6.318,46	-90,00	6.228,46	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.650,83			1.650,83			
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1,3	***Đất muối trồng thuỷ sản***	***NTS***	***11,40***	***0,12***		**11,40**		**11,40**	***0,12***
1,4	***Đất làm muối***	***LMU***							
1,5	***Đất nông nghiệp khác***	***NKH***							
2	***Đất phi nông nghiệp***	**PNN**	**586,09**	**5,99**	**187,07**	**773,16**	**97,68**	**870,84**	***8,90***
2,1	***Đất ở***	***OCT***	***264,40***	***2,70***	***3,60***	***268,00***	***2,50***	**270,50**	***2,76***
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	264,40		3,60	12,00	2,50		
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT							
2,2	***Đất chuyên dùng***	***CDG***	***116,08***	***1,19***	***181,88***	***297,96***	***94,42***	**392,38**	***4,01***
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,54	0,01		0,54		0,54	0,01
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP					0,12	0,12	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,01		0,11	0,12		0,12	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	11,31	0,12	2,57	13,88	2,30	16,18	0,17
2.2.4.1	*Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*	*DTS*							
2.2.4.2	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*2,08*		*0,46*	*2,54*		*2,54*	
2.2.4.3	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*0,36*		*0,17*	*0,53*		*0,53*	
2.2.4.4	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	*3,69*		*1,24*	*4,93*	*1,70*	*6,63*	
2.2.4.5	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	*5,18*		*0,70*	*5,88*	*0,60*	*6,48*	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	*7,59*	*0,08*	160,00	167,59	90,00	257,59	2,63
2.2.5.1	*Đất cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp*	*SKC*	*1,10*		*25,00*	*26,10*		*26,10*	
2.2.5.2	*Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*	*SKX*	*6,50*		*135,00*	*141,50*	*90,00*	*231,50*	
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	96,63	0,99	19,20	115,83	2,00	117,83	1,20
2.2.6.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*83,52*	*0,87*	*19,20*	*104,72*		*104,72*	*1,07*
2.2.6.2	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	*10,48*	*0,11*		*10,48*		*10,48*	
2.2.6.3	*Đất cơ di tích lịch sử - văn hoá*	*DDT*							
2.2.6.4	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*0,07*			*0,07*		*0,07*	
2.2.6.5	*Đất công trình bưu chính, viễn thông*	*DBV*	*0,01*			*0,01*		*0,01*	
2.2.6.6	*Đất chợ*	*DCH*	*0,55*			*0,55*		*0,55*	
2.2.6.7	*Đất xây dựng TMDV*	*DTM*					*2,00*	*2,00*	
2.2.6.8	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*							
2.2.6.9	*Đất công trình công cộng khác*	*DCK*							
2,3	***Đất cơ sở tôn giáo***	***TON***	***0,13***	***0,00***	***0,95***	***1,08***	***0,00***	***1,08***	***0,01***
2,4	***Đất cơ sở tín ngưỡng***	***TIN***	***0,61***	***0,01***	***0,64***	***1,25***	***0,76***	***2,01***	***0,02***
2,5	***Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT***	***NTD***	***12,48***	***0,13***		***12,48***		***12,48***	***0,13***
2,6	***Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***	***SON***	***180,76***	***1,85***		***180,76***		***180,76***	***1,85***
2,7	***Đất có mặt nước chuyên dùng***	***MNC***	***11,63***			***11,63***		***11,63***	
2,8	***Đất phi nông nghiệp khác***	***PNK***							
3	***Đất chưa sử dụng***	**CSD**	**19,25**	**0,20**		**19,25**	**0,00**	**19,25**	**0,20**
3,1	***Đất bằng chưa sử dụng***	***BCS***	***19,25***			***19,25***			
3,2	***Đất đồi núi chưa sử dụng***	***DCS***							
3,3	***Núi đá không có rừng cây***	***NCS***							

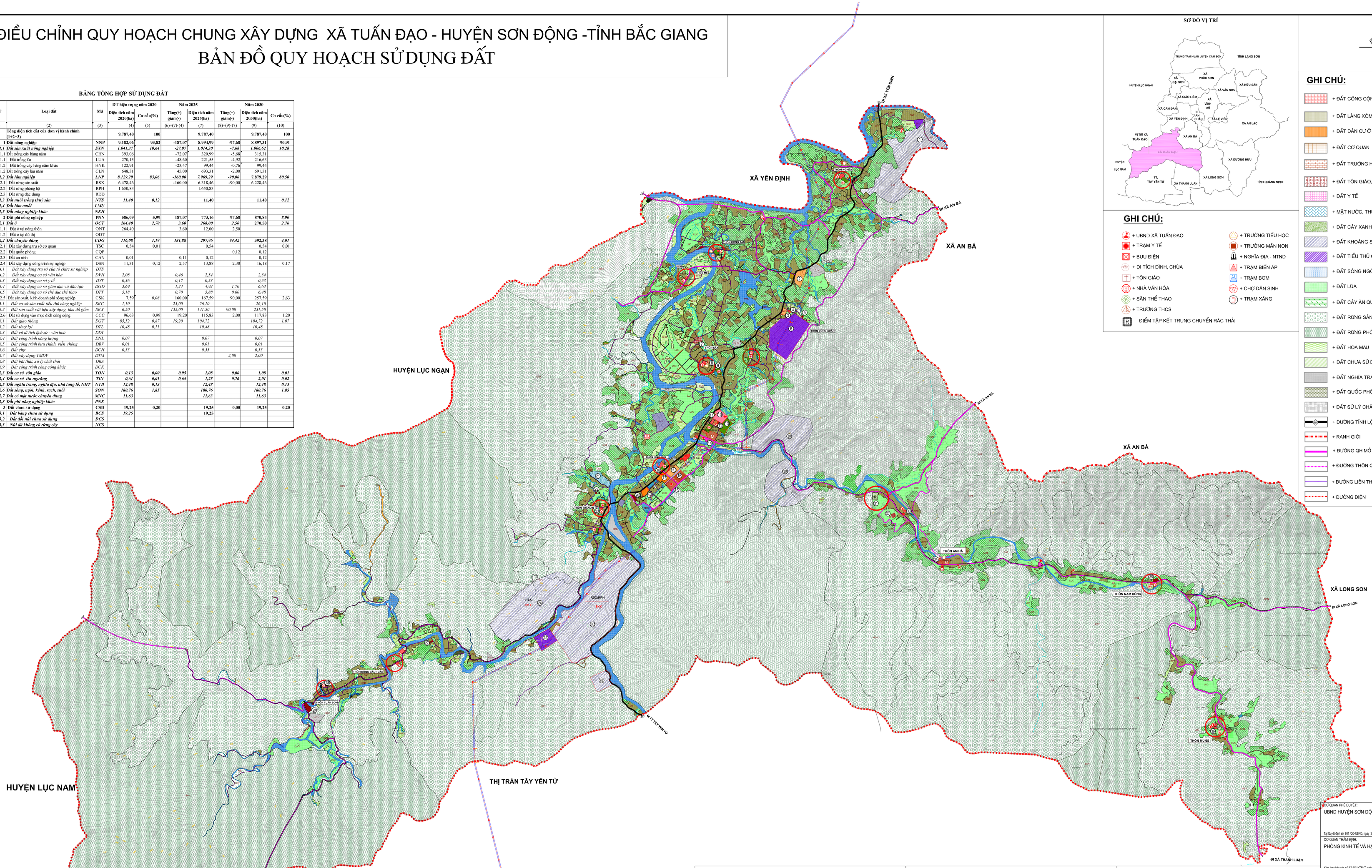

GHI CHÚ:

- + UBND XÃ TUẤN ĐẠO
- + TRẠM Y TẾ
- + BƯU ĐIỆN
- + DI TÍCH ĐÌNH, CHÙA
- + TÔN GIÁO
- + NHÀ VĂN HÓA
- + SÂN THỂ THAO
- + TRƯỜNG THCS
- + TRƯỜNG TIỂU HỌC
- + TRƯỜNG MẦN NON
- + NGHĨA ĐỊA - NTND
- + TRẠM BIẾN ÁP
- + TRẠM BƠM
- + CHỢ DÂN SINH
- + TRẠM XĂNG
- ĐIỂM TẬP KẾT TRUNG CHUYỂN RÁC THẢI

GHI CHÚ:

- + ĐẤT CÔNG CỘNG
- + ĐẤT LÀNG XÓM
- + ĐẤT DÂN CƯ Ở MỚI
- + ĐẤT CƠ QUAN
- + ĐẤT TRƯỜNG HỌC
- + ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
- + ĐẤT Y TẾ
- + MẶT NƯỚC, THỦY SẢN
- + ĐẤT CÂY XANH,THỂ DỤC THỂ THAO
- + ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- + ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
- + ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH
- + ĐẤT LÚA
- + ĐẤT CÂY ĂN QUẢ
- + ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
- + ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
- + ĐẤT HOA MẠU
- + ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- + ĐẤT NGHĨA TRANG - NGHĨA ĐỊA
- + ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
- + ĐẤT SỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
- + ĐƯỜNG TỈNH LỘ 291
- + RANH GIỚI
- + ĐƯỜNG QH MỞ RỘNG
- + ĐƯỜNG THÔN QH MỞ MỚI
- + ĐƯỜNG LIÊN THÔN
- + ĐƯỜNG ĐIỆN

THÔN NGHĨA

1. QUY HOẠCH ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG : 40 HA
2. QUY HOẠCH 01 ĐẤT Ở MỚI : 2,5 HA
- QUY HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (BHK) SANG ĐẤT CÂY LÂU NĂM : 10HA

THÔN ĐỒNG TÂM

- QUY HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (BHK) SANG ĐẤT CÂY LÂU NĂM : 7,0 HA
- XÂY DỰNG ĐƯỜNG LIÊN THÔN NGHĨA - ĐỒNG TÂM

THÔN ĐỒNG MỈ

- QUY HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (BHK) SANG ĐẤT CÂY LÂU NĂM : 3,0 HA .
- XÂY DỰNG ĐƯỜNG TỪ TUẤN ĐẠO ĐI XÃ ĐỀO GIA , HUYỆN LỤC NGAN

THÔN ĐỒNG XUÂN

3. ĐIỀU CHỈNH CHUYỂN ĐỔI ĐẤT SÂN THỂ THAO CŨ THÔN ĐỒNG XUÂN NCHUYỂN THÀNH ĐẤT Ở MỚI: 0,52 HA .
4. ĐIỀU CHỈNH CHUYỂN ĐỔI ĐẤT NHÀ VĂN HÓA CŨ CỦA THÔN ĐỒNG XUÂN CHUYỂN THÀNH ĐẤT Ở MỚI: 0,02 HA .
5. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT TÍN NGƯỠNG: 0,06 HA .
6. QUY HOẠCH ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP : 20 HA .

THÔN SẤY

7. QUY HOẠCH MỞ RỘNG CHÙA : 0,65 HA .
8. ĐIỀU CHỈNH CHUYỂN ĐỔI SÂN THỂ THAO CŨ THÀNH ĐẤT Ở MỚI : 0,25 HA .
9. QUY HOẠCH SÂN THỂ THAO MỚI : 0,6 HA .
- QUY HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (BHK) SANG ĐẤT CÂY LÂU NĂM : 5HA .

KHU TRUNG TÂM XÃ TUẤN ĐẠO

11. ĐIỀU CHỈNH TRẠM Y TẾ HIỆN TRẠNG CHUYỂN THÀNH ĐẤT CÔNG AN : 0,12 HA
12. ĐIỀU CHỈNH ĐẤT TRỤ SỞ UBND SANG ĐẤT QUÂN SỰ : 0,11 HA
13. QUY HOẠCH ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH CỦA XÃ DIỆN TÍCH KHOÁNG : 1,8 HA
14. ĐIỀU CHỈNH TRƯỜNG MẦN NON HIỆN TRẠNG CHUYỂN THÀNH ĐẤT Y TẾ : 0,17 HA
15. QUY HOẠCH XÂY MỚI TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT TẠI THÔN LINH PHÙ CÓ DIỆN TÍCH : 1,24 HA
16. QUY HOẠCH DỰ TRỮ ĐẤT GIÁO DỤC 1,7 HA

THÔN LINH PHÙ

10. QUY HOẠCH ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ : 2,0 HA
17. QUY HOẠCH ĐẤT Ở MỚI : 1,5 HA
17.1. QUY HOẠCH ĐẤT Ở MỚI : 1,4 HA
18. ĐIỀU CHỈNH TRƯỜNG MẦM NON HIỆN TRẠNG CỦA THÔN LINH PHÙ CHUYỂN THÀNH ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ : 0,035 HA
19. QUY HOẠCH ĐẤT Ở MỚI : 0,7 HA
20. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT TÔN GIÁO (CHÙA LINH PHÙ): 0,3 HA
30. QUY HOẠCH ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG : 50 HA .
- QUY HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (BHK) SANG ĐẤT CÂY LÂU NĂM : 5HA .
- MỞ RỘNG ĐƯỜNG QUY HOẠCH TỪ ĐƯỜNG 291 ĐẾN TRƯỜNG MẦM NON MỚI CHIỀU DÀI KHOẢNG 270M.

THÔN TUẤN AN

21. QUY HOẠCH ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN : 2,9 HA .
22. QUY HOẠCH ĐẤT TÔN GIÁO : 0,044 HA.
23. NHÀ VĂN HÓA : 0,1 HA TRONG ĐÓ HIỆN TRẠNG LÀ (0,066 HA). QUY HOẠCH MỞ RỘNG THÊM: 0,04HA.
24. QUY HOẠCH MỎ KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG: 60 HA .
24.1. QUY HOẠCH MỎ KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG: 70 HA
25. QUY HOẠCH ĐIỂM CHẾ BIẾN LÂM SẢN : 5,0 HA .
26. QUY HOẠCH MỎ KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG : 5,0 HA .
- MỞ RỘNG NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG TỪ THÔN TUẤN AN ĐI THÔN TUẤN SƠN.

THÔN ĐỒNG BẢO TUẤN

27. ĐIỀU CHỈNH ĐẤT NHÀ VĂN HÓA HIỆN TRẠNG CHUYỂN THÀNH ĐẤT TÔN GIÁO : 0,12 HA

THÔN TUẤN SƠN

28. NHÀ VĂN HÓA HIỆN TRẠNG : 0,05HA VÀ MỞ RỘNG ĐẤT NHÀ VĂN HÓA SANG ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON CŨ CỦA THÔN TUẤN SƠN.
29. QUY HOẠCH ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ : 0,7 HA .
- XÂY DỰNG ĐƯỜNG ĐI TỪ XÃ TUẤN ĐẠO ĐI TH TRẤN TÂY YÊN TỬ.
- XÂY DỰNG ĐƯỜNG ĐI TỪ XÃ TUẤN ĐẠO ĐI XÃ LỤC SƠN , HUYỆN LỤC NAM.

THÔN AM HÀ

31. QUY HOẠCH SÂN THỂ THAO MỚI : 0,7 HA
32. QUY HOẠCH ĐẤT TÍN NGƯỠNG : 0,3 HA
33. ĐIỀU CHỈNH ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON CŨ CHUYỂN THÀNH ĐẤT NHÀ VĂN HÓA: 0,075HA
34. ĐIỀU CHỈNH ĐẤT ỦY BAN CŨ THÀNH ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON: 0,28 HA

THÔN NAM BÔNG

35. QUY HOẠCH ĐẤT TÍN NGƯỠNG : 0,3 HA
- XÂY DỰNG MỞ RỘNG, NÂNG CẤP ĐƯỜNG ĐI TỪ XÃ TUẤN ĐẠO ĐI XÃ LONG SƠN.

THÔN MÙNG

36. NHÀ VĂN HÓA : 0,23 HA (TRONG ĐÓ NHÀ VĂN HÓA HIỆN TRẠNG LÀ :0,12HA VÀ PHẦN NHÀ VĂN HÓA MỞ RỘNG: 0,1HA
- XÂY DỰNG MỞ RỘNG, NÂNG CẤP ĐƯỜNG ĐI TỪ XÃ TUẤN ĐẠO ĐI XÃ THANH LUẬN.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG
Tại Quyết định số: 981 /QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN SƠN ĐỘNG
Kèm theo báo cáo số: 57 /BC-KT&HT, ngày 30 tháng 12 năm 2021

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
UBND XÃ TUẤN ĐẠO, HUYỆN SƠN ĐỘNG
Kèm theo Tờ trình số: 83a /Tr - UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2021

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TUẤN ĐẠO HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2021-2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH- 04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ:1/10.000	NGÀY:.../.../2021
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	NGUYỄN DANH TUYỂN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN HẢI NAM		

VIỆN TRƯỞNG

THS.KTS. NGUYỄN HẢI NAM

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
VIỆN QUY HOẠCH- KIẾN TRÚC BẮC NINH
110 ĐƯỜNG NGÔ GIA TỰ - TP. BẮC NINH